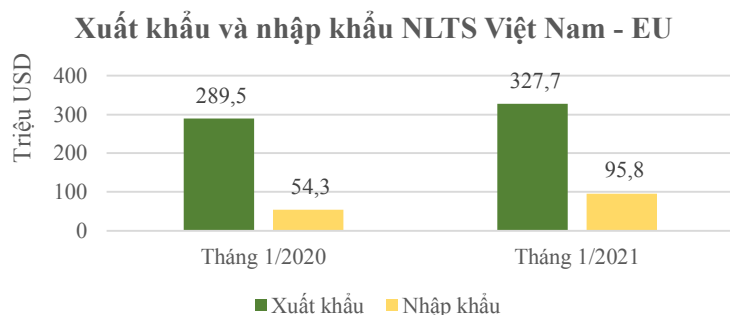


BÁO CÁO TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN

Thị trường Liên minh Châu Âu - EU

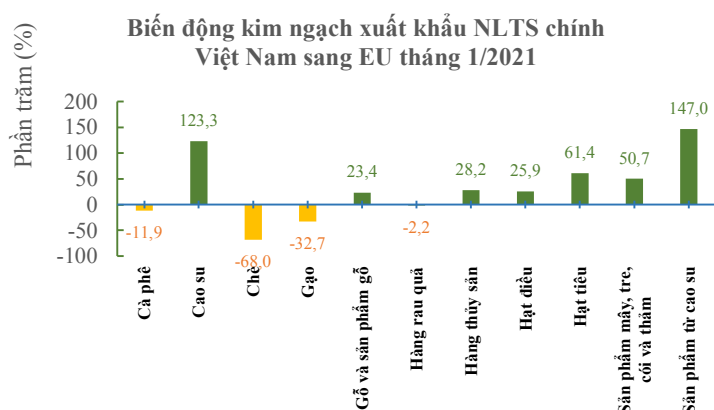
TÌNH HÌNH CHUNG



So sánh xuất nhập khẩu NLTS Việt Nam – EU

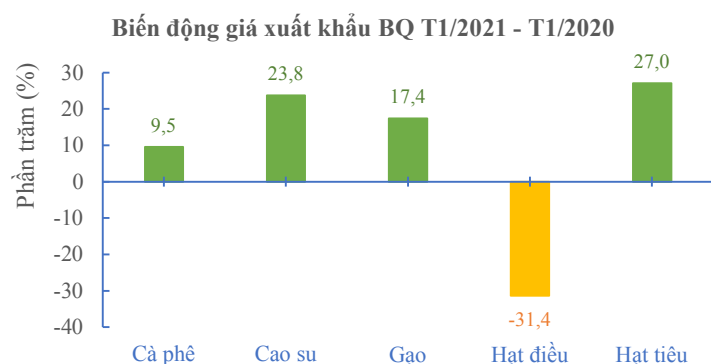
(Tháng 1/2021 với tháng
1/2020)

Xuất khẩu ▲ 13,2%
Nhập khẩu ▲ 76,6%



So sánh tháng 1/2021 với tháng 1/2020

Cà phê ▼ 11,9%
Cao su ▲ 123,3%
Chè ▼ 68,0%
Gạo ▼ 32,7%
Gỗ và SP Gỗ ▲ 23,4%
Rau quả ▼ 2,2%
Thủy sản ▲ 28,2%
Hạt điều ▲ 25,9%
Hạt tiêu ▲ 61,4%
Mây tre đan ▲ 50,7%
SP từ cao su ▲ 147,0%



So sánh giá xuất khẩu T1.2021/T1.2020

Cà phê ▲ 9,5 %
Cao su ▲ 23,8%
Gạo ▲ 17,4%
Hạt điều ▼ 31,4%
Hạt tiêu ▲ 27,0%

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG

Tình hình kinh tế chung: Ủy ban Châu Âu (EC) vào tháng 02/2021 đã đưa ra mức tăng trưởng GDP của 19 quốc gia trong khu vực sử dụng đồng tiền chung euro (Eurozone) dự kiến sẽ đạt 3,8% trong năm nay và phục hồi muộn hơn so với hy vọng ban đầu. Con số này giảm so với mức dự báo 4,2% cho năm 2021 mà cơ quan này đưa ra vào cuối năm 2020. EC dự báo Liên minh châu Âu (EU) gồm 27 thành viên ước tính sẽ đạt mức tăng trưởng 3,7% trong năm 2021 và 3,9% vào năm 2022. Các quan chức kỳ vọng rằng nền kinh tế châu Âu sẽ đạt mức tương đương trước đại dịch COVID-19 vào năm 2022, nhanh hơn so với dự đoán trước đó, mặc dù mức độ phục hồi sẽ không đồng đều giữa các nước thành viên. Tuy nhiên, các dự báo tăng trưởng kinh tế này chưa tính đến những tác động từ kế hoạch phục hồi lớn của khối. Chương trình này sẽ bơm 750 tỷ euro vào nền kinh tế châu Âu thông qua các khoản viện trợ không hoàn lại và khoản vay, dự kiến sẽ được triển khai trong năm nay. Do đó, kỳ vọng mức tăng trưởng thực tế của EU sẽ cao hơn so với dự đoán trên.

Tổng hợp một số điểm tin liên quan đến nông nghiệp của thị trường EU trong tháng 02/2021 như sau:

- Gần đây, EC đã đưa ra kết quả điều tra về kỳ vọng của người dân EU đối với thực phẩm. Trong đó chỉ rõ mùi vị, an toàn thực phẩm và chi phí là những yếu tố chính tác động trực tiếp đến hành động mua hàng của người dân. Bên cạnh đó, báo cáo còn chỉ ra đối với người dân EU, thực phẩm “bền vững” thường được liên tưởng là thực phẩm giàu dinh dưỡng, tốt cho sức khỏe, và ít hoặc không sử dụng thuốc bảo vệ thực vật; trong khi chỉ có khoảng 20% liên hệ đến vấn đề công bằng lợi nhuận cho người sản xuất, cũng như bảo vệ môi trường.
- EU và Nhật Bản đã đưa thêm 28 nhãn hiệu thực phẩm vào danh sách Chỉ dẫn địa lý của mỗi bên được bảo hộ dưới Hiệp định Đối tác Kinh tế EU-Nhật Bản. Các nhãn hiệu mà Nhật Bản cam kết với EU bao gồm các sản phẩm như phô mai, tinh dầu, sản phẩm có nguồn gốc động vật (trứng, mật ong...), thịt hun khói, bơ, bánh quy, dầu oliu, rượu. Còn các nhãn hiệu mà EU cam kết với Nhật Bản bao gồm các sản phẩm như hành, củ cải trắng, mì soba, cần tây, cà chua, khoai lang, đậu phụ đông lạnh, thịt bò, khoai môn, cua, súp lơ xanh, thịt gà, thịt bò, hồng Nhật Bản, nguru bang, nho, măng tây, đậu tương, rau củ ngâm, dưa hấu, cà rốt, rượu.

- EC đã đưa ra chương trình xúc tiến thương mại thực phẩm cho năm 2021 trị giá 182,9 triệu Eur. Trong đó, 86 triệu Eur sẽ được dành cho các chiến dịch sản xuất hữu cơ, sản xuất bền vững, bảo vệ môi trường và thích nghi với biến đổi khí hậu. Ngoài ra các thị trường trọng tâm cho xúc tiến là Nhật Bản, Hàn Quốc, Canada và Mexico. Các sản phẩm trọng tâm sẽ là sữa và sản phẩm từ sữa, dầu oliu và rượu.
- EC đã công bố Kế hoạch Đánh bại Ung thư của Châu Âu. Một phần của kế hoạch bao gồm các hành động được thực hiện bởi EU và các Quốc gia Thành viên nhằm tăng cường công tác phòng chống ung thư trên toàn Liên minh. Điều này bao gồm giảm tiêu thụ rượu có hại, nâng cao tiếp cận với chế độ ăn uống lành mạnh, xem xét lại các chương trình xúc tiến sản phẩm nông nghiệp, nghiên cứu các biện pháp thuế đối với đường và nước giải khát, và giảm tiếp cận đối với các thực phẩm có chứa các loại chất độc hại.
- USDA đánh giá nhu cầu thực phẩm hữu cơ tại EU vẫn tiếp tục tăng lên. Thực tế, EU là thị trường tiêu thụ thực phẩm hữu cơ lớn thứ hai thế giới với tổng bán lẻ ước tính khoảng 51,8 tỷ USD vào năm 2019, tăng 14% so với năm 2019 và gấp 2 lần so với 10 năm trước đó. Thị trường tiêu thụ thực phẩm hữu cơ lớn nhất trong EU là Đức và Pháp với ước tính khoảng hơn 14 tỷ USD/nước. Tiếp đến là Italy với khoảng gần 4 tỷ USD và Thụy Điển với hơn 3 tỷ USD. Trong năm 2020, đại dịch Covid-19 còn khiến cho nhu cầu thực phẩm hữu cơ tăng mạnh. Nguyên nhân chính là do người tiêu dùng buộc phải nấu nướng nhiều hơn ở nhà thay vì ăn ngoài trong thời kỳ phong tỏa. Do đó, họ có xu hướng lựa chọn các sản phẩm tốt cho sức khỏe nhiều hơn để nấu ăn cho chính mình và gia đình.

Về thương mại NLTS với Việt Nam, trong tháng 01/2021, Việt Nam đã xuất khẩu 327,7 triệu USD sang EU, trong khi nhập khẩu 95,8 triệu USD, tăng 13,2% về xuất khẩu và 76,6% về nhập khẩu so với tháng 01/2020. Trong các mặt hàng nông sản xuất khẩu sang EU, cà phê, chè, gạo và rau quả có xu hướng giảm xuất khẩu với tốc độ -11,9%, -68,0%, -32,7% và -2,2%, trong khi cao su, gỗ và sản phẩm từ gỗ, thủy sản, hạt điều, hạt tiêu, sản phẩm mây tre cói và thảm, sản phẩm từ cao su có xu hướng tăng với tốc độ 123,3%, 23,4%, 28,2%, 25,9%, 61,4%, 50,7% và 147,0% so với tháng 1/2020.

CÁC MẶT HÀNG XUẤT KHẨU CHỦ LỰC

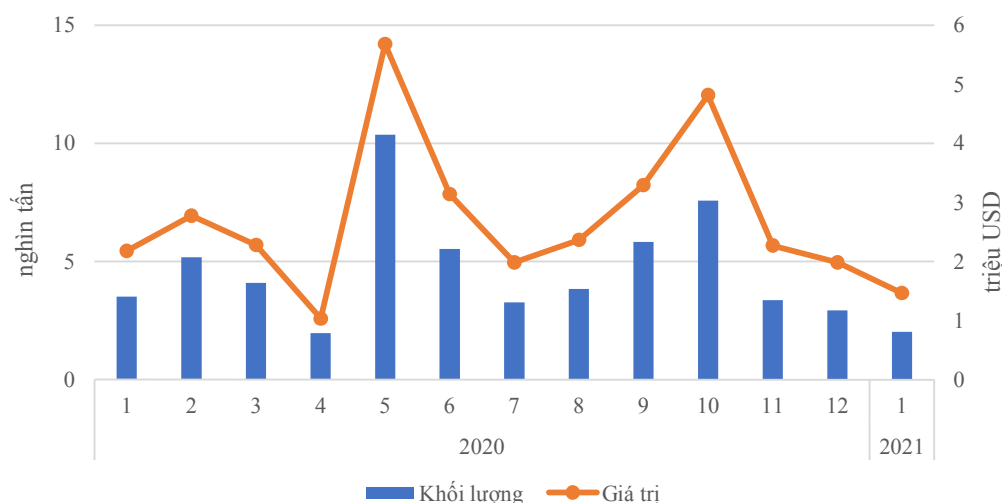
1. LÚA GẠO

Theo dự báo cập nhật tháng 02/2021 của USDA, sản lượng gạo của EU trong năm 2021 vẫn được dự báo là sẽ đạt xấp xỉ so với năm trước với khoảng 2,0 triệu tấn. Về nhập khẩu, lượng gạo nhập khẩu năm 2021 của EU kỳ vọng sẽ đạt 2,45 triệu tấn, tăng 50 nghìn tấn so với năm ngoái.

Từ đầu tháng 02/2020, Myanmar đã diễn ra đảo chính khi các chính khách dân cử thuộc đảng cầm quyền, Liên minh Quốc gia vì Dân chủ, trong chính phủ dân sự của Myanmar bị Quân đội Myanmar phế truất và trao lại quyền lực cho chính quyền quân phiệt. Trước động thái này, các nhà nhập khẩu gạo từ Myanmar đã buộc phải trì hoãn nhập khẩu gạo, nguyên nhân chính do các thương nhân xuất khẩu gạo tại Yangon (Myanmar) đã ngừng giao dịch do không thể liên hệ logistics giao hàng. Mặc dù EU chưa có phản ứng nào liên quan đến trừng phạt thương mại, nhưng các thương nhân ngành gạo quan ngại rằng chế độ miễn giảm thuế gạo từ Myanmar vào EU có thể sẽ bị ảnh hưởng trong thời gian tới.

EU có thể sẽ giảm thuế suất gạo lứt (loại gạo chiếm khoảng 41% tổng nhập khẩu gạo vào EU) vào tháng 3/2020. Hiện nay, EU đưa ra mức thuế suất gạo lứt dựa trên hai đợt xem xét vào tháng 3 và tháng 9 hàng năm. Mức thuế suất là 30 Eur/tấn, 42,5 Eur/tấn và 65 Eur/tấn tùy theo tình hình nhập khẩu thực tế. Cụ thể, nếu mức nhập khẩu dưới 191.113 tấn thì sẽ áp mức thuế thấp nhất, còn cao hơn 258.565 tấn sẽ áp mức thuế cao nhất; và giữa hai mức đó sẽ là mức 42,5 Eur/tấn. Hiện mức thuế của EU đang là 65 Eur/tấn và đã được áp dụng từ tháng 3/2019. Tuy nhiên, từ tháng 9/2020 cho tới tháng 2/2021, mức nhập khẩu gạo mức ước chỉ đạt 152.551 tấn do tình trạng thiếu hụt container trong bối cảnh Covid-19 hoành hành. Như vậy, mức nhập khẩu này thấp hơn 191.113 tấn và do đó EU có thể áp mức thuế thấp hơn vào đợt xem xét tháng 3/2021. Tuy nhiên, việc tính toán lại thuế suất có thể rất phức tạp, do Anh – quốc gia nhập khẩu gạo lớn nhất trong EU28 cũ (chiếm khoảng 23%) – đã chính thức rời Liên minh thuế quan EU vào cuối năm 2020.

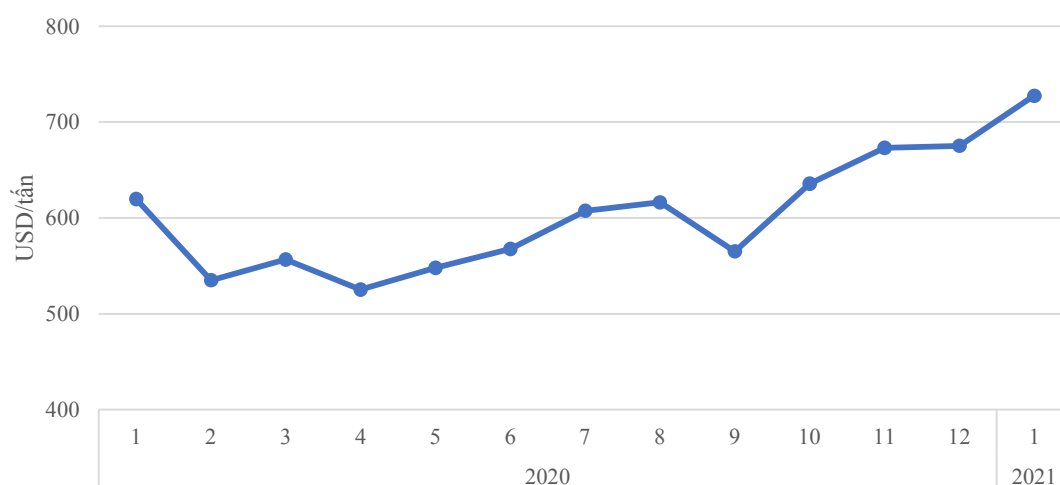
Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 01/2021, Việt Nam xuất khẩu được 2,0 nghìn tấn gạo, trị giá 1,5 triệu USD sang thị trường EU, giảm 31,5% về khối lượng và 26,2% về giá trị so với tháng 12/2020, và 42,7% về khối lượng và 32,7% so với cùng kỳ năm 2020.

Hình 1: Khối lượng và giá trị xuất khẩu gạo sang thị trường EU

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 01/2021, gạo thơm là mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam sang EU đạt 1,0 nghìn tấn, trị giá 0,8 triệu USD (chiếm 52,0% về khối lượng và 54,8% về giá trị); so với tháng 01/2020, xuất khẩu gạo thơm sang EU đã giảm 67,2% về khối lượng và 59,7% về giá trị. Đứng thứ hai là gạo trắng đạt 457 tấn, trị giá 294,9 nghìn USD (chiếm 22,7% về khối lượng và 20,1% về giá trị); so với tháng 01/2020, xuất khẩu gạo trắng sang EU đã tăng 317,5% về khối lượng và 595,8% về giá trị.

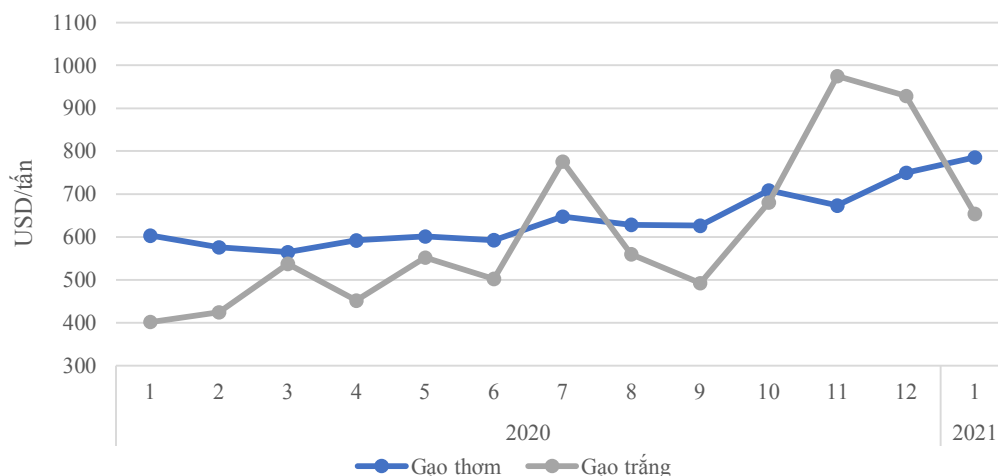
Giá xuất khẩu gạo trung bình sang thị trường EU tháng 01/2021 đạt 727,5 USD/tấn, tăng 7,7% so với tháng 12/2020 và 17,4% so với cùng kỳ năm 2020.

Hình 2: Giá xuất khẩu trung bình sang thị trường EU

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá các loại gạo chính xuất khẩu sang thị trường EU có xu hướng tăng giảm trái chiều trong tháng. Giá gạo thơm tháng 01/2021 đạt trung bình 785,7 USD/tấn, tăng 4,8% so với tháng 12/2020 và 30,2% so với cùng kỳ năm ngoái. Giá gạo trắng đạt 653,6 USD/tấn, giảm 29,6% so với tháng 12/2020 nhưng tăng 62,7% so với cùng kỳ năm ngoái.

Hình 3: Giá xuất khẩu gạo thơm và gạo trắng sang thị trường EU



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 01/2021, top 3 công ty xuất khẩu nhiều sang thị trường EU là Công ty TNHH Xuất Nhập khẩu Đại Dương Xanh, Công ty TNHH Star Rice và Công ty CP Hoàng Minh Nhật. Ba công ty này lần lượt chiếm 27,8%, 18,9% và 8,3% tổng kim ngạch xuất khẩu gạo sang thị trường EU trong tháng 01/2021. So với cùng kỳ năm 2020, kim ngạch xuất khẩu của các công ty này ước tính tăng trưởng như sau: Công ty TNHH Xuất Nhập khẩu Đại Dương Xanh giảm 15,4%, Công ty TNHH Star Rice không xuất khẩu trong tháng 01/2020 nhưng có xuất khẩu trong tháng 01/2021, và Công ty CP Hoàng Minh Nhật giảm 23,6%.

2. RAU QUẢ

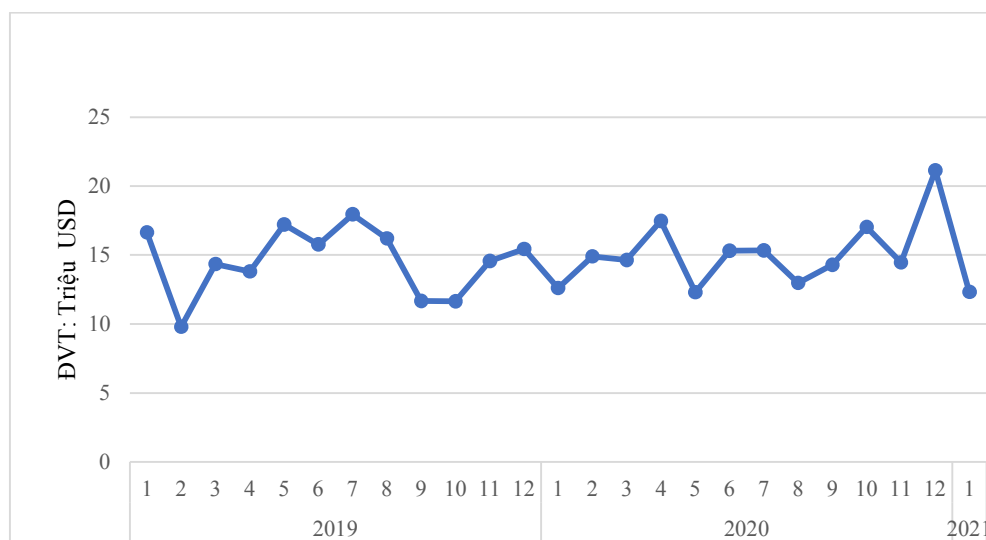
Theo Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ (USDA), sản lượng thu hoạch hạt dẻ cười toàn cầu cho năm 2020/21 tăng gần 40% lên mức kỷ lục 985.000 tấn khi vụ thu hoạch ở Hoa Kỳ và Thổ Nhĩ Kỳ bước vào năm đầu tiên của chu kỳ luân canh. Vụ thu hoạch hạt dẻ cười ở châu Âu dự kiến sẽ giảm 3.000 tấn xuống còn 18.000 tấn do ở Tây Ban Nha và Ý bị thiệt hại nhẹ. Nhập khẩu dự kiến sẽ tăng 15% lên 120.000 tấn, với Mỹ cung cấp phần lớn cho thị trường châu Âu.

Theo USDA dự báo, tiêu thụ và xuất khẩu chanh thế giới niên vụ 2020/21 sẽ tăng do nhu cầu mạnh (nhu cầu của các hộ gia đình tăng mạnh át đi nhu cầu giảm sút trong lĩnh vực nhà hàng). Trong khi đó, sản lượng chanh toàn cầu năm 2020/21 được USDA dự báo sẽ giảm nhẹ xuống 8,3 triệu tấn do sản lượng ở Argentina và Mỹ giảm, mặc dù sản lượng của Liên minh Châu Âu và Mexico tăng. Sản lượng 2020/21 tại EU sẽ tăng 11% lên 1,6 triệu tấn do thời tiết thuận lợi và diện tích thu hoạch tăng; song tiêu dùng còn tăng mạnh hơn. Xuất khẩu chanh từ EU dự báo sẽ tăng, trong khi nhập khẩu sẽ giảm.

Ở nhiều nước châu Âu, nhu cầu tiêu thụ đu đủ đang giảm dần, nhưng sự phổ biến của nó lại đang tăng lên. Việc thiếu năng lực vận chuyển hàng không do đại dịch Covid-19 đã ảnh hưởng đáng kể đến nguồn cung và giá đủ đủ, vốn đắt hơn đáng kể so với những năm khác.

Giá trị xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang thị trường EU tháng 1 năm 2021 đạt 12,3 triệu USD, chiếm 4% tổng giá trị xuất khẩu, giảm 41,7% so với tháng trước và giảm 2,2% so với cùng kỳ năm 2019 (đạt 12,6 triệu USD).

Hình 4: Giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường EU

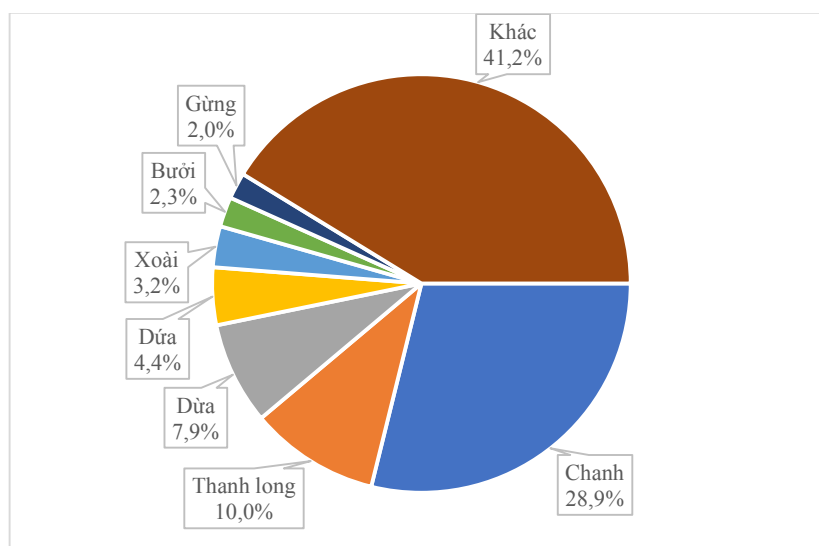


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Cơ cấu xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang EU trong tháng 1 năm 2021 chủ yếu là trái cây (đạt 10,6 triệu USD, chiếm 86,2% tổng giá trị xuất khẩu rau quả sang EU), trong đó các loại trái cây chưa qua chế biến (tươi, khô, đông lạnh...) chiếm tới 63,3% (so cùng kỳ 2019 là 64,3%), trái cây chế biến chiếm 23% (cùng kỳ 2019 là 20,7%). Mặt hàng rau đạt 1,7 triệu USD (chiếm 13,8%), trong đó chủ yếu là rau chưa qua chế biến (rau tươi, khô hoặc đông lạnh) với 10,9% (năm 2019 là 10%), rau chế biến chiếm 2,8% (năm 2019 là 5%).

Các mặt hàng rau quả có giá trị xuất khẩu cao nhất sang EU trong tháng 1/2021 bao gồm chanh đạt 3,6 triệu USD (chiếm 28,9% tổng giá trị xuất khẩu, giảm 7,4% so với cùng kỳ năm 2019); thanh long đạt 1,2 triệu USD (chiếm 10%, tăng 11,3%); dứa đạt 975,8 nghìn USD (chiếm 7,9%, tăng 48,8%); dưa đạt 547,2 nghìn USD (chiếm 4,4%, tăng 94,1%); xoài đạt 392,4 nghìn USD (chiếm 3,2%, giảm 65%)...

Hình 5: Cơ cấu một số loại rau quả chính xuất khẩu sang EU trong tháng 1/2021



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 1/2021, rau quả chế biến đạt 3,2 triệu USD (chiếm 25,8% tổng giá trị xuất khẩu), giảm 2% so với cùng kỳ 2019 (đạt 3,2 triệu USD). Tỷ trọng các loại sản phẩm chế biến lần lượt là: (i) nước ép, nước cốt trái cây (mã HS.2009) chiếm 64%, tăng 7% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019; (ii) trái cây đông lạnh, sấy khô, dẻo (mã HS.2008) chiếm 23,9% (tăng 7%); (iii) Rau quả muối chua (mã HS.2001) chiếm 5,1% (giảm 21,9%); ...

Giá trị nhập khẩu rau quả của Việt Nam từ thị trường EU tháng 1 năm 2021 đạt 5,4 triệu USD, chiếm 3,7% tổng giá trị nhập khẩu, tăng 10,6% so với cùng kỳ năm 2019 (đạt 4,9 triệu USD). Trong tháng 1/2021, sản phẩm rau quả Việt Nam nhập khẩu nhiều nhất từ thị trường này là táo đạt 3,4 triệu USD (chiếm 61,8%, tăng 22,7%);

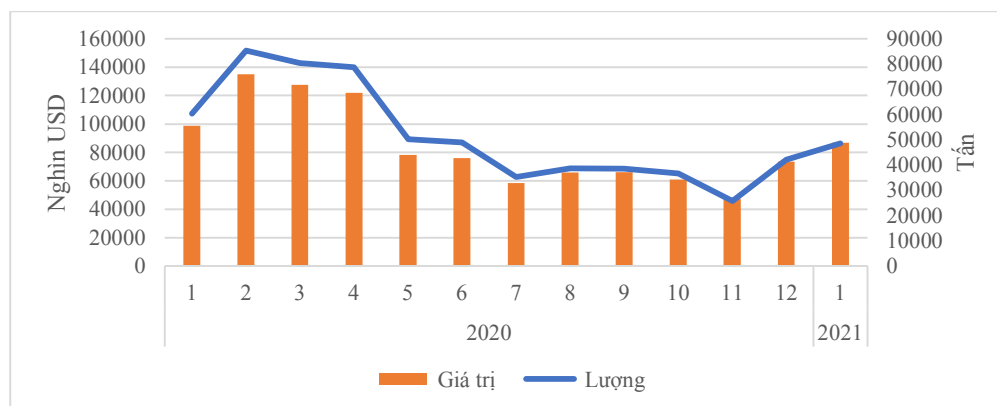
khoai tây đạt 1 triệu USD (chiếm 17,5%, tăng 28,9%); tỏi đạt 86 nghìn USD (chiếm 1,6%, giảm 24,4); ...

Trong tháng 1/2021, Top 3 công ty xuất khẩu nhiều sang thị trường EU là Chi nhánh Công ty TNHH Olam Việt Nam tại Khu công nghiệp Biên Hòa II, Công ty TNHH MTV The Fruit Republic Cần Thơ và Công ty Cổ phần Thực phẩm Xuất khẩu Đồng Giao với thị phần xuất khẩu lần lượt là: 14,7%; 7,5% và 7%. So với cùng kỳ năm ngoái, kim ngạch xuất khẩu của Chi nhánh Công ty TNHH Olam Việt Nam tại Khu công nghiệp Biên Hòa II giảm 22,2 và Công ty TNHH MTV The Fruit Republic Cần Thơ tăng 68,7%. Trong khi đó, Công ty Cổ phần Thực phẩm Xuất khẩu Đồng Giao không xuất khẩu trong tháng 1/2020 nhưng đã đẩy mạnh xuất khẩu được trong tháng 1/2021.

3. CÀ PHÊ

Xuất khẩu cà phê của Việt Nam vào thị trường EU tháng 1/2021 tiếp tục đà tăng vào cuối năm 2020 đạt 48,5 nghìn tấn, trị giá 86,8 triệu USD, tăng 15,01% về khối lượng và tăng 18,05% về giá trị so với tháng 12/2020; Tuy nhiên, so với cùng kỳ tháng 1/2020, xuất khẩu cà phê giảm 19,57% về khối lượng và giảm 11,94% về giá trị.

Hình 6: Khối lượng và giá trị cà phê xuất khẩu sang thị trường EU

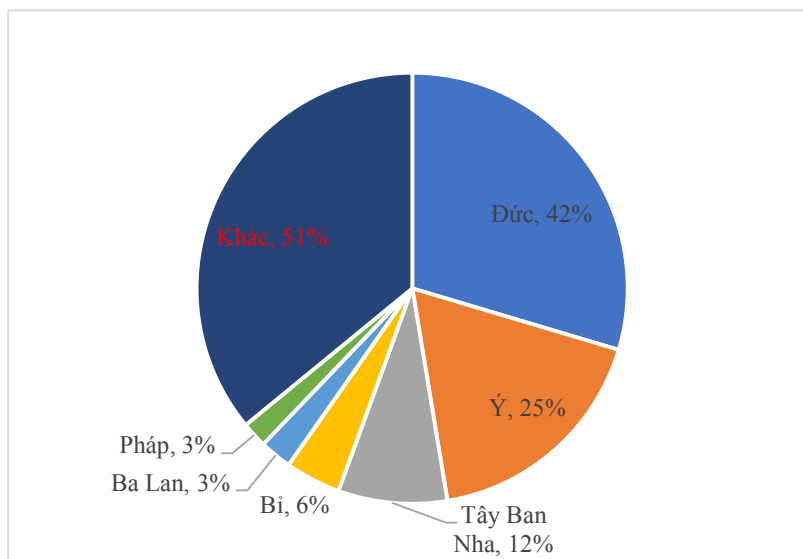


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Các thị trường nhập khẩu cà phê chính tại EU trong tháng 1/2020, gồm Đức chiếm tỷ trọng 42%, Italia chiếm 25%, Tây Ban Nha chiếm 12%, Bỉ chiếm 6%, Ba Lan, Pháp chiếm 3%. Một số quốc gia có kim ngạch nhập khẩu cà phê từ Việt Nam tăng như Hy Lạp (tăng 107%), Phần Lan (tăng 106%), Séc (tăng 79%), Romani (13%) tuy nhiên tỷ trọng các quốc gia trên không lớn.

Xuất khẩu sang EU nhìn chung tăng so với tháng trước, tuy nhiên so với cùng kỳ tháng 1/2020, xuất khẩu cà phê sang các thị trường lớn đều giảm, xuất khẩu sang Đức đạt 36,5 triệu USD, giảm 1,86%; Ý đạt 21,9 triệu USD giảm 7,18%, Bồ Đào Nha đạt 1,7 triệu USD, giảm 11,76%; Ba Lan đạt 2,9 triệu USD giảm 20%; Tây Ban Nha đạt 10 triệu USD, giảm 28%; Bỉ đạt 5,1 triệu USD, giảm 31,4%. Kim ngạch xuất khẩu giảm là do tình trạng khan hiếm container vẫn tiếp tục diễn ra ở các tuyến từ Châu Á sang Hoa Kỳ và EU.

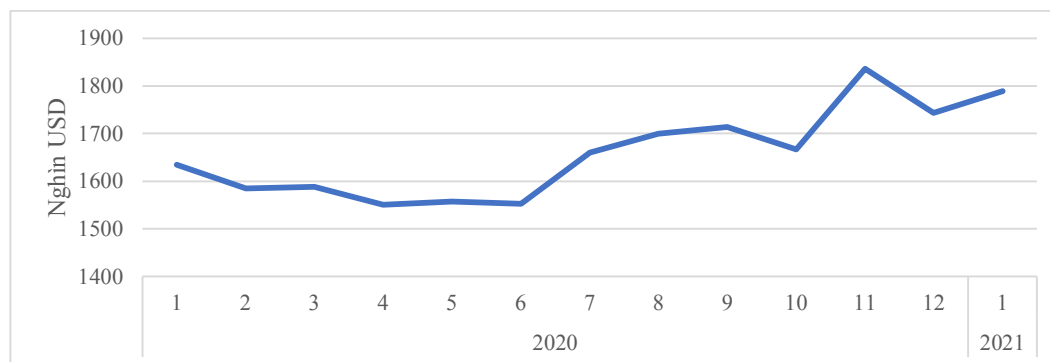
Hình 7: Cơ cấu các quốc gia nhập khẩu cà phê tại trường EU



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá cà phê Robusta tại London tăng lên do lo ngại nguồn cung hạn chế do Brazil giảm sản lượng vì thời tiết bất lợi và trong năm mất mùa của chu kỳ hai năm một. Giá xuất khẩu bình quân cà phê Việt Nam sang EU tháng 01/2020 biến động tăng theo giá thế giới, đạt 1.789 USD/tấn, tăng 2,64% so với tháng trước và tăng 9,48% so với cùng kỳ tháng 1/2020.

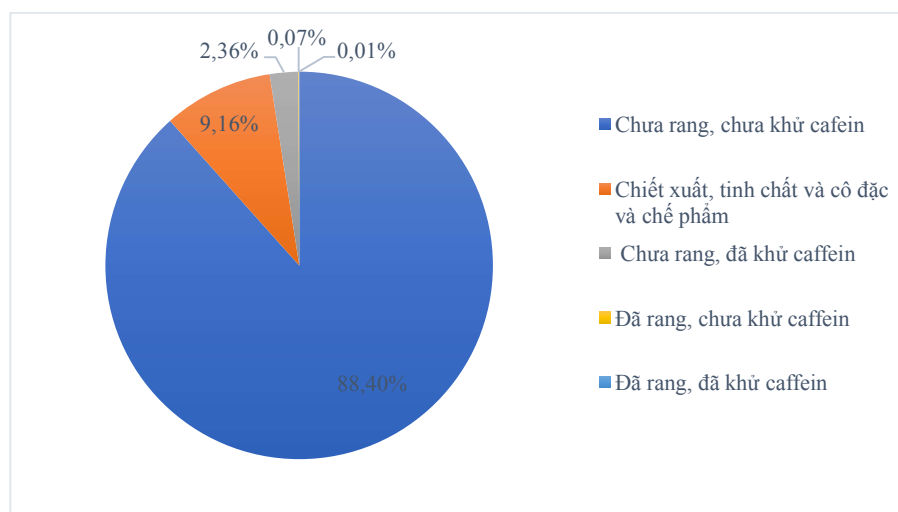
Hình 8: Giá cà phê xuất khẩu bình quân sang thị trường EU



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Về cơ cấu sản phẩm, cà phê nhân thô chưa rang, chưa khử cafein (mã HS 090111) tháng 01/2021 chiếm tỷ trọng 88,4%, trị giá 76 triệu USD, giảm 17% so với cùng kỳ. Cà phê chưa rang, đã khử caffeine (mã HS 090112) giảm 18% trong tháng 01/2021 chiếm tỷ trọng 2%, đạt giá trị 2,05 triệu USD, tăng 19,9% so với cùng kỳ năm trước. Xuất khẩu cà phê hòa tan và tinh chất sang thị trường EU tiếp tục đà tăng từ năm 2019, chiếm tỷ trọng 9,16% đạt 7,9 triệu USD, tăng 108% so với cùng kỳ tháng 1/2020. Đây là tín hiệu đáng mừng khi cà phê của Việt Nam tăng cường xuất khẩu các sản phẩm chế biến sâu, nhằm nâng cao giá trị gia tăng, tăng sức cạnh tranh trên thị trường thế giới.

Hình 9: Cơ cấu sản phẩm, cà phê xuất khẩu sang EU



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 01/2021, Top 3 công ty xuất khẩu nhiều sang thị trường EU là: Công ty cổ phần Intimex Hoa Kỳ Phước, Công ty cổ phần Tập đoàn Intimex, Công ty TNHH Sản xuất và thương mại Cát Quế với thị phần lần lượt là: 7,12%; 7,02% và 6,6%.

Với việc thực thi Hiệp định EVFTA, EU đã xóa bỏ thuế cho toàn bộ cho các sản phẩm cà phê chưa rang hoặc đã rang (giảm từ 7 – 11% xuống 0%); các loại cà phê chế biến từ giảm 9 – 12% xuống còn 0% vào thời điểm Hiệp định có hiệu lực. Đồng thời, trong số 39 chỉ dẫn địa lý của Việt Nam được EU cam kết bảo hộ khi EVFTA chính thức đi vào thực thi có chỉ dẫn địa lý về cà phê. Đây là lợi thế cạnh tranh rất lớn cho ngành cà phê Việt Nam với các đối thủ tại thị trường EU. Dù vậy, việc đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn kỹ thuật của EU để hưởng thuế ưu đãi từ EVFTA không đơn giản, cần rất nhiều thời gian và sự nỗ lực của doanh nghiệp. Hiện nay các doanh nghiệp Việt Nam vẫn đang đối mặt với các khó khăn về hàng rào dư lượng thuốc bảo vệ thực vật (BVTV) trên cà phê nhập khẩu. Riêng với hoạt chất

Glyphosate, MRLs (giới hạn dư lượng tối đa) trên cà phê nhân nhập khẩu vào EU là 0,1 mg/kg.

Châu Âu là thị trường cà phê lớn nhất thế giới. Đây cũng là thị trường hàng đầu cho các sản phẩm hữu cơ. Mặc dù vẫn được coi là một thị trường ngách nhưng nhu cầu về cà phê hữu cơ dự kiến sẽ sớm tăng trưởng mạnh do mối quan tâm về tính bền vững và sự quan tâm ngày càng tăng của người tiêu dùng đối với cuộc sống lành mạnh.

Hiện nay, sự quan tâm ngày càng tăng đối với cà phê chất lượng cao, kết hợp với nhu cầu ngày càng tăng về cà phê được sản xuất bền vững và có đạo đức, đã làm cho cà phê đặc sản trở thành phân khúc phát triển nhanh nhất trên thị trường cà phê châu Âu. Ngày càng nhiều người tiêu dùng đánh giá cao và thích chất lượng cảm quan tốt của cà phê rang xay nhẹ, đồng thời tìm hiểu câu chuyện đằng sau nó và sẵn sàng trả nhiều tiền hơn. Trước khủng hoảng COVID-19, thị trường quán cà phê châu Âu được ước tính sẽ tiếp tục tăng trưởng với tốc độ trung bình hàng năm là 3,9% từ năm 2020 đến năm 2025. Tuy thị trường quán cà phê đã bị ảnh hưởng nặng nề bởi ảnh hưởng của COVID-19 do các biện pháp giãn cách xã hội, với sự quan tâm của người tiêu dùng đối với cà phê chất lượng cao là dài hạn, phân khúc này được kỳ vọng sẽ phục hồi sau khi các biện pháp nghiêm ngặt liên quan đến COVID-19 được dỡ bỏ. Mặc dù các doanh nghiệp nhỏ độc lập đã bị ảnh hưởng nặng nề, nhưng hầu hết trong số họ sẽ sống sót sau khủng hoảng...Mới đây, Công ty Cà phê Ueshima có thị phần khoảng 36% tại Nhật Bản được thành lập vào những năm 30, đã có kế hoạch mở rộng thị trường cà phê đặc sản sang châu Âu sau Vương quốc Anh.

Tại Châu Âu đang có sự tăng trưởng trong chứng nhận, nhiều sản phẩm cà phê hiện có nhiều hơn một chứng nhận, đặc biệt đối với cà phê hữu cơ và cà phê nhãn hiệu riêng của siêu thị được chứng nhận Fairtrade. Ví dụ, dòng cà phê Barissimo của ALDI và dòng cà phê No1 của Waitrose với các tùy chọn xuất xứ duy nhất từ Colombia, Indonesia, Peru và các quốc gia khác. Hầu hết các nhà bán lẻ thuê ngoài các hoạt động mua và rang của họ. Một số siêu thị có cơ sở rang xay riêng. Ví dụ, ALDI Nord và SÜD ở Đức, và Công ty cà phê Ahold ở Hà Lan. Công ty cà phê Ahold khai trương cơ sở rang xay mới vào tháng 10 năm 2020. Điều này cho thấy cà phê là một danh mục đang trở nên quan trọng hơn đối với các nhà bán lẻ châu Âu. Ngoài ra, thương hiệu của các nhà bán lẻ cũng quan trọng hơn đối với người tiêu dùng châu Âu. Trong những năm qua, cà phê nhãn hiệu riêng đã thay thế một số nhãn hiệu cà phê châu Âu khác. Các siêu thị lớn ở châu Âu đều có nhãn hiệu cà phê và sản phẩm cà phê của riêng họ. Ví dụ bao gồm Perla từ siêu thị Hà Lan Albert Heijn, L'origine du goût của E.Leclerc ở Pháp, và Tesco Finest và Marks & Spencer ở Anh. Một lý do khác khiến cà phê nhãn hiệu riêng được ưa chuộng là do có nhiều chủng loại hơn.

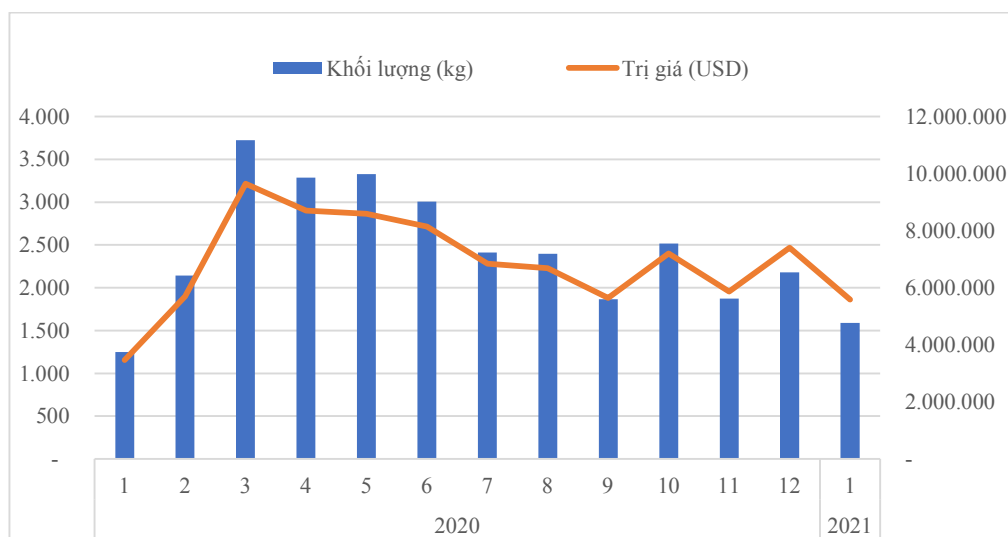
Nhiều siêu thị đã bước vào phân khúc cao cấp và đang mở rộng các sản phẩm cà phê được chứng nhận. Doanh số bán lẻ của các nhãn hiệu riêng được chứng nhận hữu cơ

4. HỒ TIÊU

đang tăng lên. Ví dụ về các nhãn hiệu riêng hữu cơ ở Châu Âu bao gồm REWE Bio ở Đức, Carrefour Bio ở Pháp và Waitrose Duchy Organic ở Anh.

Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 1/2021, Việt Nam xuất khẩu được 1.589 tấn hồ tiêu với trị giá 5.587.311 USD sang thị trường EU, giảm 27,11% về khối lượng và giảm 24,52% về giá trị so với tháng 12/2020, tăng 27,02% về khối lượng và tăng 61,39% về giá trị so với cùng kỳ năm 2020.

Hình 10: Khối lượng và giá trị xuất khẩu hồ tiêu sang thị trường EU, 2020-2021

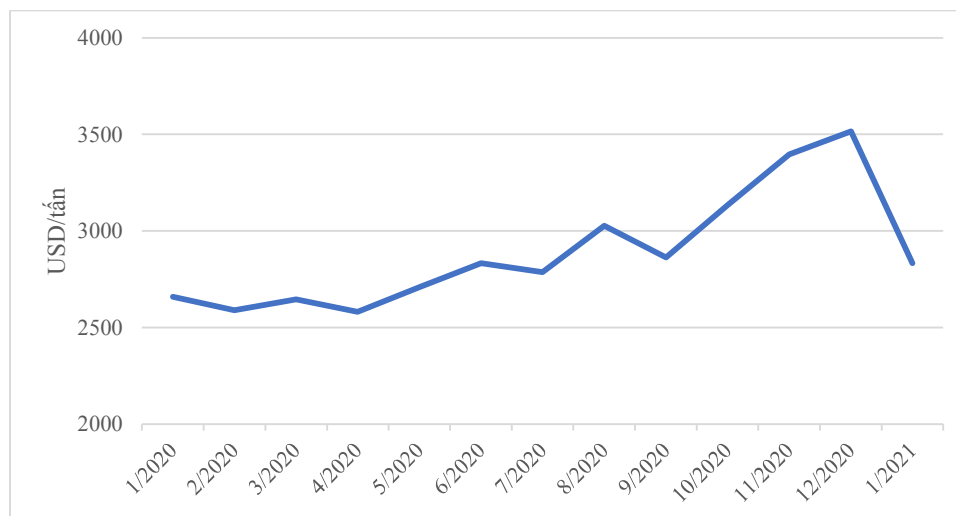


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 1/2021, hạt tiêu đen chưa xay vẫn là mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam sang EU đạt kim ngạch 2.549.334 USD (chiếm 38,57% về tổng giá trị tiêu xuất khẩu sang thị trường này), tuy nhiên đã giảm mạnh 33,38% so với tháng 12/2020 và tăng 16,04% so với cùng kỳ năm trước. Đứng thứ hai về kim ngạch trong tháng 1/2021 vẫn là hạt tiêu trắng chưa xay, chiếm 29,08%, tăng 10,35% so với tháng 12/2020 và tăng 44,01% so với cùng kỳ năm trước. 2 mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu sang EU trong tháng 1/2021 bị sụt giảm mạnh nhất là nhóm các sản phẩm tiêu loại khác chưa xay và tiêu đen đã xay ở mức lần lượt là 88,7% và 46,16% so với tháng 12/2020.

Giá xuất khẩu hồ tiêu trung bình sang thị trường EU tháng 1/2021 giảm mạnh, xuống mức 2.833 USD/tấn, giảm 19,42% so với tháng 12/2020 và tăng nhẹ 6,57% so với cùng kỳ năm 2020.

Hình 11: Giá tiêu xuất khẩu trung bình của Việt Nam sang EU (USD/tấn), 2019-2021



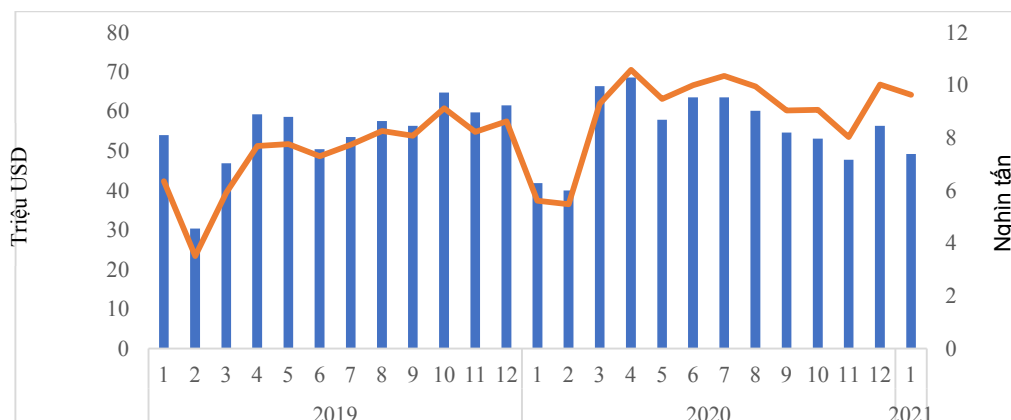
Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 1/2021, Top 3 công ty xuất khẩu nhiều nhất sang thị trường EU là Chi nhánh Long Bình của Công ty TNHH Olam Việt Nam, Công ty TNHH Chế biến Gia vị Nedspice Việt Nam và Công ty Cổ phần Phúc Sinh, lần lượt chiếm 26,18%, 18,98% và 18,06% tổng kim ngạch xuất khẩu hồ tiêu sang thị trường EU trong tháng 1/2021. So với tháng 12/2020, Chi nhánh Long Bình của Công ty TNHH Olam Việt Nam, Công ty TNHH Chế biến Gia vị Nedspice Việt Nam đều giảm sản lượng xuất khẩu, kim ngạch giảm lần lượt là 47,02% và 25,25% trong khi đó, Công ty Cổ phần Phúc Sinh có mức tăng trưởng mạnh, từ vị trí thứ 5 về xuất khẩu sang EU trong tháng 12/2020 (chiếm 4,83%) đã lên vị trí thứ 3 với mức tăng trưởng 172,2% so với tháng 12/2020 và tăng 21,39% so với cùng kỳ năm trước.

5. HẠT ĐIỀU

Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 1/2020, Việt Nam xuất khẩu được 9,64 nghìn tấn điều, trị giá 49,23 triệu USD sang thị trường EU, tăng 74,1% về khối lượng và 17,7% về giá trị so với tháng 1/2020, và giảm 3,8% về khối lượng và 12,7% về giá trị so với tháng 12/2020.

Hình 12: Khối lượng và giá trị xuất khẩu điều sang thị trường EU

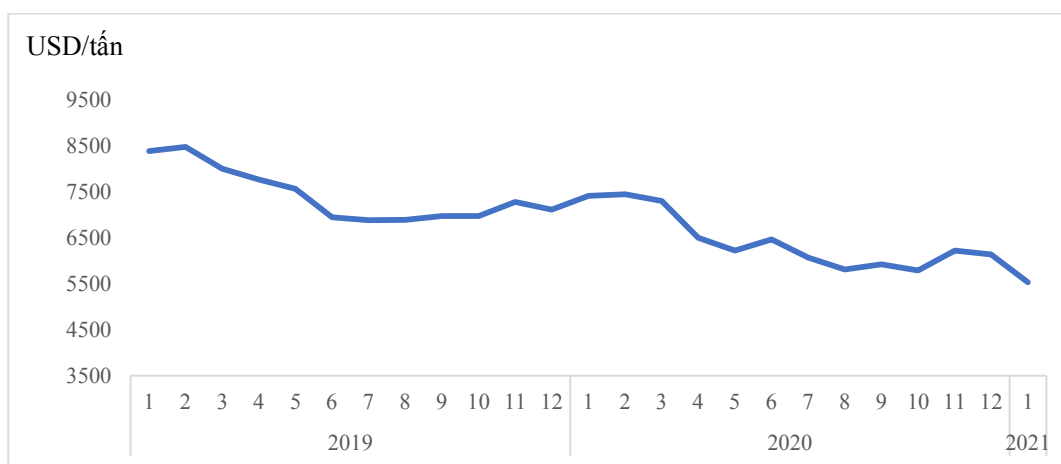


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Xuất khẩu điều sang thị trường này tháng 1/2021 chủ yếu là điều nhân chiếm tỷ lệ 99,8% tương ứng với 49,13 triệu USD. Bên cạnh đó, một số sản phẩm điều khác cũng xuất khẩu sang thị trường này nhưng với giá trị rất nhỏ là điều lựa và điều qua chế biến chỉ chiếm 0,2%.

Giá xuất khẩu điều sang thị trường EU đang có xu hướng giảm. Cụ thể, giá điều trung bình xuất khẩu sang thị trường này đạt 5,53 nghìn USD, giảm 25,5% so với cùng kỳ năm trước và giảm 9,8% so với tháng 12/2020.

Hình 13: Giá xuất khẩu trung bình sang thị trường EU



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tháng 1/2021, 3 công ty xuất khẩu điều lớn nhất sang thị trường này bao gồm: Công ty TNHH điều INTERSNACK Việt Nam đạt 5,15 triệu USD, chiếm 8,7%; Công ty cổ phần Long Sơn đạt 3,25 triệu USD, chiếm 5,45% và Công ty TNHH Cao Phát đạt 2,33 triệu USD, chiếm 3,98%.

Hiệp định EVFTA, những sản phẩm chế biến sâu từ điều nhân đã được giảm thuế xuống còn 0% (trước khi hiệp định có hiệu lực điều chế biến của Việt Nam xuất sang thị trường EU vẫn phải chịu mức thuế từ 7% đến 12%). Doanh nghiệp cần tận dụng tốt cơ hội này để có chiến lược phù hợp mở rộng thị trường, tăng khả năng cạnh tranh tại thị trường này.

6. THỦY SẢN

Theo số liệu thương mại của Trung tâm Thương mại Quốc tế, trong năm đại dịch 2020, nhập khẩu tôm của các nước EU đã giảm năm thứ hai liên tiếp. Năm 2019, nhập khẩu tôm vào EU giảm 2,1% xuống còn 782.000 tấn. Tính đến hết tháng 10/2020, NK tôm vào thị trường này ít hơn 13.500 tấn so với năm 2019 và thấp hơn 18.000 tấn so với cùng kỳ năm 2018. Nhập khẩu tôm của các Nam Âu và Bắc Âu có sự đối nghịch trong 10 tháng đầu năm 2020. Các nước Nam Âu có xu hướng giảm cụ thể: Trong 10 tháng này, Ý đã nhập khẩu 50.000 tấn tôm, giảm 10% so với cùng kỳ năm ngoái, Tây Ban Nha nhập khẩu 117.000 tấn, giảm 11% so với cùng kỳ năm ngoái. Ngược lại một số nước Bắc Âu có xu hướng tăng trưởng ổn định: Đức nhập khẩu 52.000 tấn tôm đông lạnh, tăng 10% so với cùng kỳ năm ngoái. Đan Mạch, một trung tâm lớn về thương mại thủy sản, đã nhập khẩu 78.000 tấn, tăng 12% so với cùng kỳ năm ngoái. Pháp, quốc gia nằm giữa ranh giới Bắc-Nam, đã nhập khẩu 95.000 tấn, tăng 6% so với cùng kỳ năm ngoái.

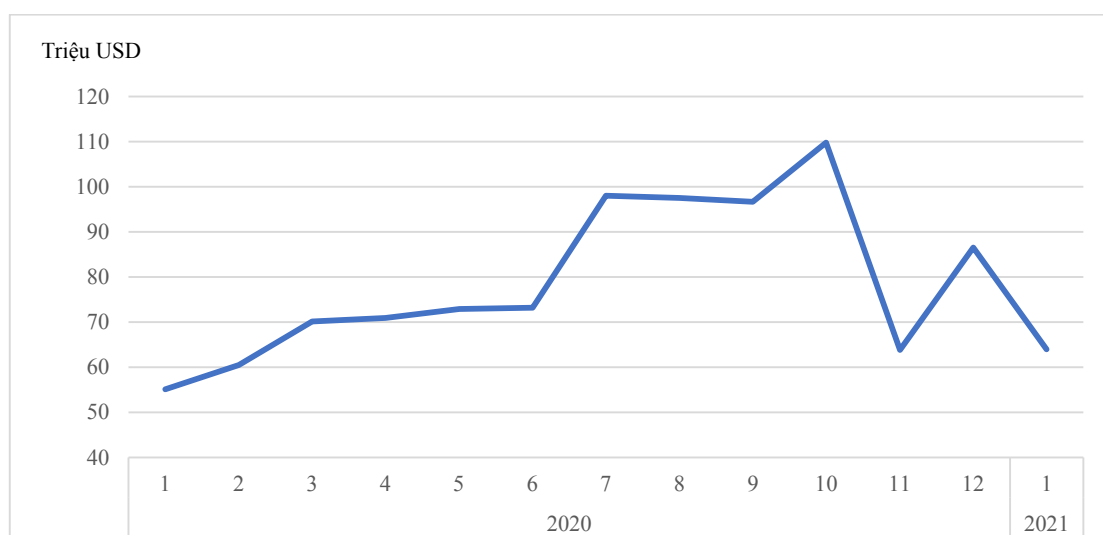
Theo FAO, Do tác động của Covid-19, thị hiếu của người tiêu dùng đã thay đổi. Trong khi nhu cầu đối với thủy sản tươi giảm, nhu cầu của người tiêu dùng đối với các sản phẩm đóng gói và đông lạnh đã tăng lên do các hộ gia đình tìm cách tích trữ thực phẩm không dễ hỏng. - Na Uy: Tháng 1/2021, xuất khẩu thủy sản của Na Uy đạt 8,1 tỷ NOK (tương đương 942,2 triệu USD), giảm 16% so với tháng 1/2020 do nhiều nước châu Âu phong tỏa và đóng cửa các nhà hàng để hạn chế sự lây lan của dịch Covid-19.

Tổng cục Hải quan đang triển khai ứng dụng phần mềm và thử nghiệm truy xuất nguồn gốc điện tử cho các sản phẩm thủy sản để đáp ứng các yêu cầu thị trường và quản lý từ phía Chính phủ. Tổng cục Thủy sản đang phát triển một phần mềm truy

xuất nguồn gốc điện tử và sẽ thử nghiệm tại một số địa phương như Vũng Tàu, Khánh Hòa, Bình Định và Phú Yên. Phần mềm truy xuất nguồn gốc được kỳ vọng sẽ áp dụng cho các hoạt động khai thác thủy sản trên toàn quốc trong 3 năm tới. Phần mềm truy xuất nguồn gốc địa tử sẽ cải thiện tính chính xác và thuận tiện trong hoàn thiện thông tin về truy xuất nguồn gốc các sản phẩm thủy sản cũng như quản lý thông tin. Đây cũng là một trong những yêu cầu bắt buộc để chống lại khai thác thủy sản phi pháp, không được báo cáo và không có quy định (IUU) của EU.

Theo Tổng cục Hải quan, tháng 1/2021, xuất khẩu thủy sản sang thị trường EU đạt 63,97 triệu USD, tăng 16,2% so cùng kỳ năm 2019, nhưng giảm 26% so với tháng 12/2020. EU là thị trường đứng thứ 3 trong các nước xuất khẩu thủy sản lớn nhất của Việt Nam trong tháng đầu năm 2021, chiếm 19,4% tổng giá trị thủy sản xuất khẩu. Tôm và cá da trơn là hai mặt hàng thủy sản xuất khẩu chính sang thị trường này trong tháng 1/2021. Cụ thể, tôm chiếm 35,9%, cá da trơn chiếm 15,8%, tiếp đến là cà ngừ chiếm 12,3%.

Hình 14: Giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường EU



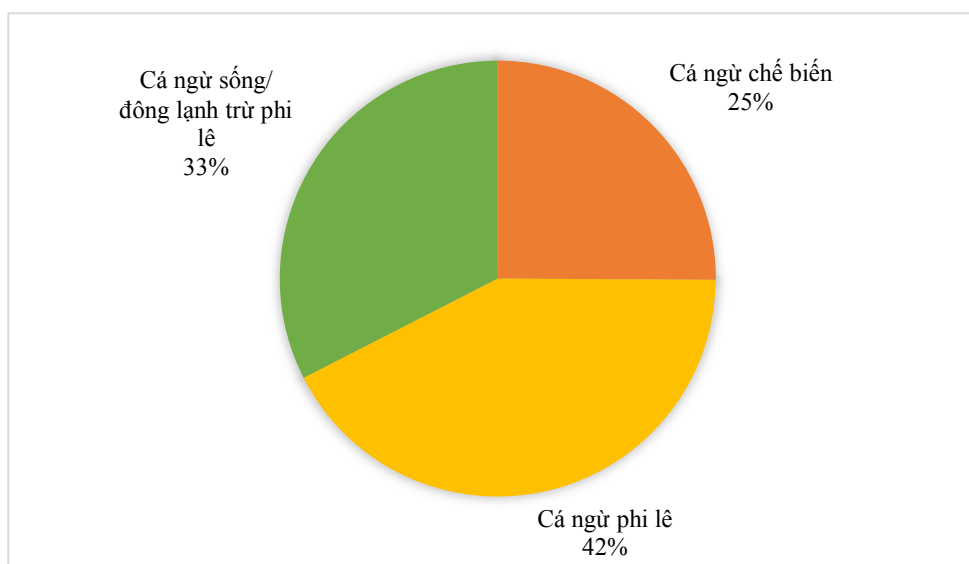
Nguồn: Tổng cục Hải quan

Đối với mặt hàng tôm, giá trị xuất khẩu tôm đạt 22,97 triệu US, tăng 20,6% so với cùng kỳ năm 2020 tuy nhiên giảm 35,5% so với tháng trước. Mặt hàng xuất khẩu tôm sang thị trường này khá đa dạng. Cụ thể, tôm thẻ chân trắng là mặt hàng có giá trị xuất khẩu lớn nhất ở thị trường này. Tháng 1/2021, giá trị xuất khẩu tôm thẻ chân trắng sống/đông lạnh đạt 12,57 triệu USD, chiếm 54,7% tổng giá trị tôm xuất khẩu, tăng 18,1% so với cùng kỳ năm 2020, giảm 35,4% so với tháng trước; giá trị xuất khẩu tôm sú sống/đông lạnh đạt 3,32 triệu USD, chiếm 14,4%, tăng 0,2% so với tháng 1/2020 và giảm 40,9% so với tháng 12/2020; Tôm chế biến các loại đạt 7 triệu USD, chiếm 30,5% tăng 18,1% so với cùng kỳ năm trước và giảm 35,4% so với tháng trước.

Cá da trơn xuất khẩu sang thị trường này tháng 1/2021 là cá tra (100%) với giá trị xuất khẩu đạt 10,10 triệu USD, giảm 10,6% so với cùng kỳ năm trước và giảm 4,5% so với tháng 12/2020. Cá tra phi lê là sản phẩm chủ yếu chiếm 95,3% tổng giá trị cá tra xuất khẩu, đạt 9,63 triệu USD và giảm 11,5% so với cùng kỳ năm trước. cá tra sống/đông lạnh trừ phi lê chiếm 4,7%, đạt 0,47 triệu USD và tăng 14,3% so với tháng 1/2020 nhưng giảm 32,7% so với tháng trước.

Mặt hàng cá ngừ, giá trị xuất khẩu cá ngừ sang thị trường này đạt 7,98 triệu USD, chiếm 12,3% tổng giá trị thủy sản xuất khẩu sang Châu Âu, tăng 39,3% so với cùng kỳ năm 2020, nhưng giảm 32,9% so với tháng trước. Giá trị xuất khẩu cá ngừ phi lê đạt 3,35 triệu USD, chiếm 42,4% tổng giá trị cá ngừ xuất khẩu vào thị trường này, giảm 12,6% so với cùng kỳ năm trước; cá ngừ chế biến đạt 1,98 triệu USD, chiếm 25,1%, tăng 59,3%; giá trị xuất khẩu cá ngừ sống/ đông lạnh trừ phi lê đạt 2,57 triệu USD, chiếm 32,5%, tăng 333,8%.

Hình 15: Cơ cấu xuất khẩu cá ngừ sang thị trường EU tháng 1/2021



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Một số mặt hàng thủy sản khác xuất khẩu sang thị trường EU như sau: Mực và bạch tuộc đạt 3,47 triệu USD, tăng 26,3%; Cua và ghẹ đạt 0,69 triệu USD, tăng 27%; Cá rô phi đạt 0,38 triệu USD, tăng 57,6%; Các loại thủy sản khác đạt 18,46 triệu USD, tăng 18,9% so với cùng kỳ 2020.

Giá xuất khẩu bình quân một số mặt hàng xuất khẩu thủy sản sang thị trường này như sau: Tôm đạt 8,89 USD/kg, tăng 1,4% so với cùng kỳ năm 2020 và 5,9% so với tháng trước; Cá da trơn đạt 2,25 USD/kg, tăng 0,9% so với cùng kỳ năm 2020 và 12,2% so với tháng trước; Cá ngừ đạt 6,98 USD/kg, tăng 2,9% so với tháng 1/2020 và 12,2% so với tháng trước.

Bảng 1: Giá xuất khẩu một số loại thủy sản sang thị trường EU tháng 01/2021

TT	Sản phẩm	Giá (USD)	So năm trước (%)	So tháng trước (%)
1	Cá da trơn	2,25	0,9%	12,2%
2	Cá ngừ	6,98	2,9%	19,9%
3	Cá rô phi	2,17	7,4%	-6,2%
4	Cua, ghẹ	3,61	-68,7%	-34,9%
5	Mực và bạch tuộc	6,33	18,4%	-5,3%
6	Tôm	8,89	1,4%	5,9%

Nguồn: Tính toán từ số liệu Hải quan

Tháng 01 năm 2021, Top 3 công ty xuất khẩu nhiều sang thị trường EU là Công ty cổ phần Tập đoàn thủy sản Minh Phú đạt 3,21 triệu USD chiếm 5% tổng kim ngạch xuất khẩu thủy sản sang thị trường này; Công ty TNHH xuất nhập khẩu thủy sản Cần Thơ đạt 2,32 triệu USD, chiếm 3,6%; Công ty TNHH thủy sản Hải Long Nha Trang đạt 2,26 triệu USD, chiếm 3,5%.

7. CAO SU

Từ năm 2015 đến nay, các quốc gia EU chủ yếu nhập khẩu cao su và sản phẩm cao su nội khối, duy trì từ 68 - 69% tổng kim ngạch nhập khẩu. Đối với các nguồn cung ứng ngoại khối, Trung Quốc hiện đứng đầu với thị phần 6%, tiếp theo là Hoa Kỳ và Thổ Nhĩ Kỳ. Trong số các nước ASEAN, Thái Lan hiện đang có thị phần lớn nhất về cao su tại EU (2,6%), theo sát sau là Malaysia (2,5%).

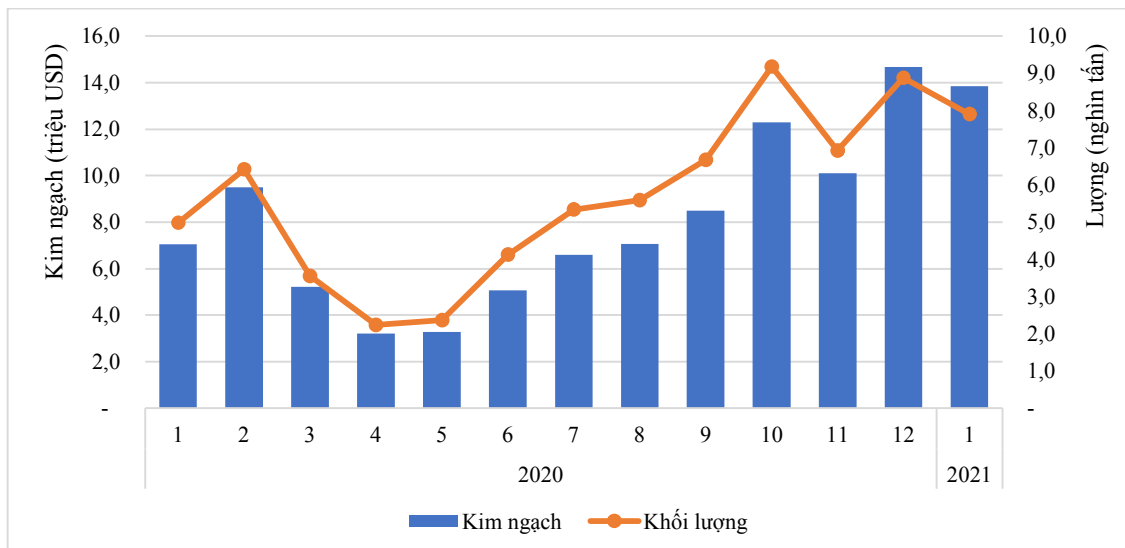
Thị phần của Việt Nam trong nhập khẩu cao su và sản phẩm cao su của EU đã tăng từ 0,4% vào năm 2015 lên 0,7% vào năm 2019, cho thấy sự cải thiện đáng kể về năng lực cạnh tranh. Tuy nhiên, Việt Nam vẫn chỉ đứng thứ 4 trong số các nước ASEAN về thị phần cao su và sản phẩm cao su tại EU.

Đối với Hiệp định EVFTA, cao su tổng hợp và các chất dẫn xuất sẽ không có lợi thế mới vì thuế suất đã đang là 0%. Tuy nhiên, các loại ống ghép nối bằng cao su và lốp cao su sẽ được miễn thuế ngay lập tức từ 3% - 4,5%. Băng tải, băng truyền, hoặc đai tải bằng cao su sẽ được giảm theo kỳ hạn 5 năm từ 6,5%.

Theo Tổng cục Hải quan, tháng 01/2021, xuất khẩu cao su sang thị trường EU ước đạt 7,9 nghìn tấn với trị giá 13,8 triệu USD, giảm 11,0% về khối lượng và 5,6%

về giá trị so với tháng trước, tuy nhiên tăng 58,7% về khối lượng và 96,4% về giá trị so với cùng kỳ 2020.

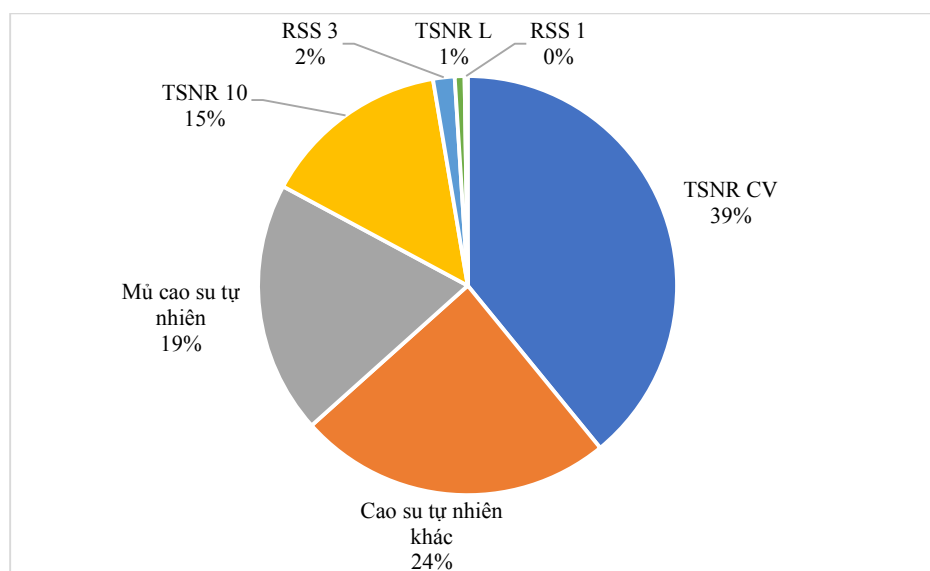
Hình 16: Khối lượng và giá trị xuất khẩu cao su tự nhiên sang thị trường EU



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 01/2021, cao su tự nhiên định chuẩn kỹ thuật TSNR CV là chủng loại cao su tự nhiên (mã HS 4001) có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường EU đạt 6,4 triệu USD, chiếm 39,1% tổng giá trị xuất khẩu. Đứng thứ hai là mủ cao su tự nhiên với kim ngạch 3,2 triệu USD, chiếm 19,5% tổng giá trị xuất khẩu. Tiếp theo là TSNR 10 và RSS 3, chiếm lần lượt 14,5% và 1,7% tổng giá trị xuất khẩu sang EU.

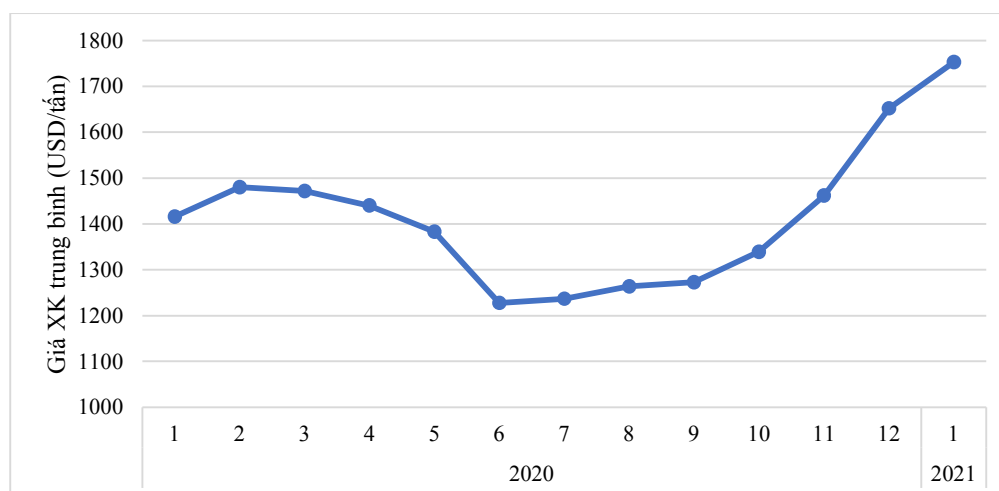
Hình 17: Chủng loại cao su tự nhiên xuất khẩu sang thị trường EU theo kim ngạch tháng 01/2021



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá cao su xuất khẩu trung bình sang thị trường EU tiếp tục tăng vào thời điểm đầu năm đạt mức 1.753 USD/tấn trong tháng 01/2021 tăng 6,1% so với tháng trước và 23,8% so với cùng kỳ 2020.

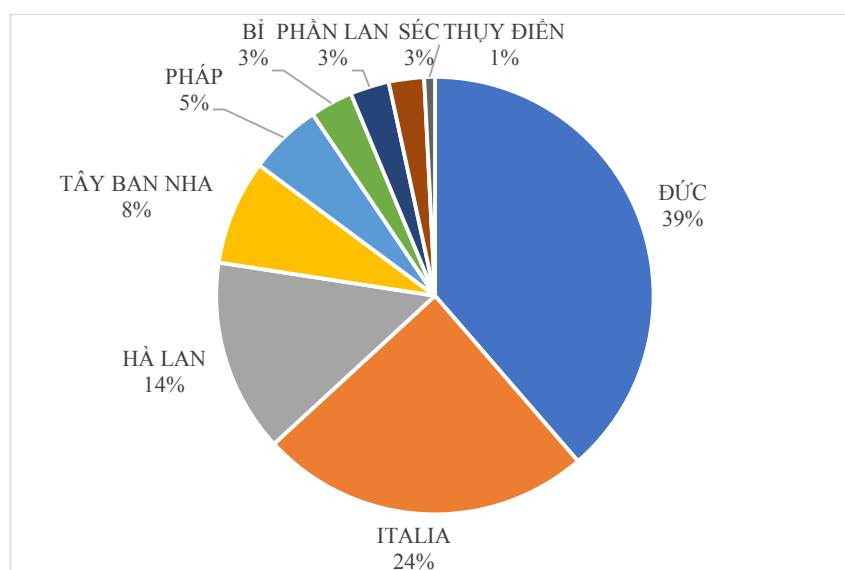
Hình 18: Giá cao su tự nhiên xuất khẩu sang thị trường EU



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 01/2021, Đức là quốc gia nhập khẩu cao su lớn nhất của Việt Nam với 5,4 triệu USD, chiếm 38,7% tổng kim ngạch xuất khẩu cao su của Việt Nam sang thị trường EU. Italia là quốc gia nhập khẩu lớn thứ hai với 3,4 triệu USD, chiếm 24,5%. Tiếp theo là Hà Lan, Tây Ban Nha và Pháp chiếm lần lượt 14,3%, 7,8% và 5,4% trong tổng kim ngạch cao su xuất khẩu sang thị trường EU.

Hình 19: Xuất khẩu cao su sang một số thị trường chính trong thị trường EU



Nguồn: Tổng cục Hải quan

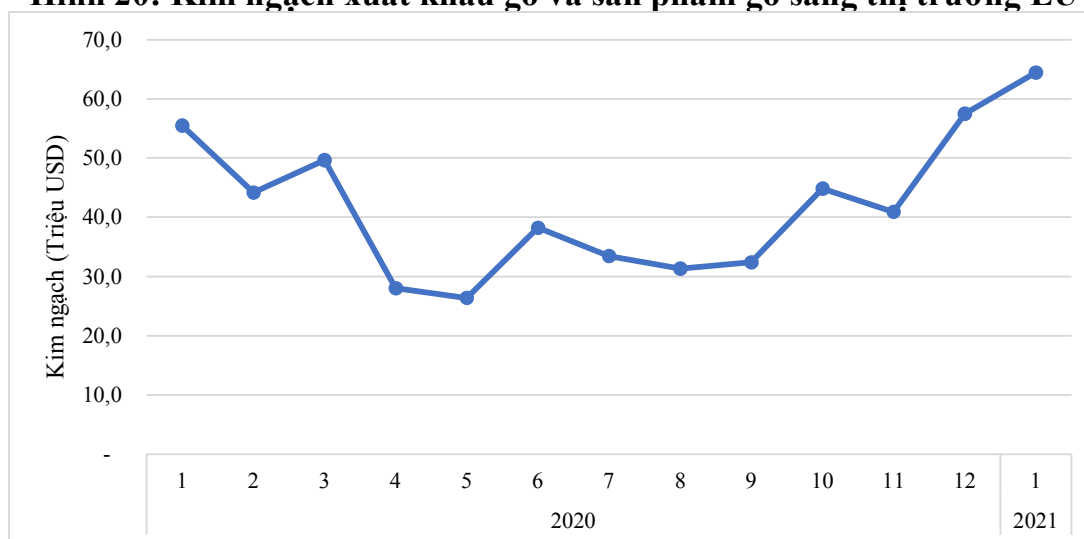
Trong tháng 01/2021, top 3 công ty xuất khẩu cao su sang thị trường EU là Công ty TNHH Sản xuất Cao su Liên Anh, Công ty TNHH Cao su Thuận Lợi và Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Cao su Đồng Nai. Ba công ty này chiếm tỷ trọng lần lượt 23,1%, 15,6% và 9,2% tổng kim ngạch cao su xuất khẩu sang thị trường EU trong tháng 01/2021.

9. GỖ VÀ CÁC SẢN PHẨM TỪ GỖ

Trong 11 tháng đầu năm 2020, giá trị nhập khẩu đồ gỗ nội ngoại thất của EU từ Việt Nam đạt 446 triệu USD, giảm nhẹ 2,0% so với cùng kỳ năm 2019. Nhập khẩu từ Indonesia cũng đã giảm 9% trong cùng thời kỳ và ở mức 293 triệu USD. Trong khi đó, nhập khẩu từ Malaysia và Thái Lan đã giảm mạnh lần lượt 14% và 21% xuống mức 89 triệu USD và 30 triệu USD. Tuy nhiên, nhập khẩu từ Philippines đã tăng 5% lên mức 6,4 triệu USD.

Theo Tổng cục Hải quan, tháng 01/2021, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường EU ước đạt 64,5 triệu USD, tăng 12,2% so với tháng trước và tăng 16,2% so với cùng kỳ 2020.

Hình 20: Kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường EU

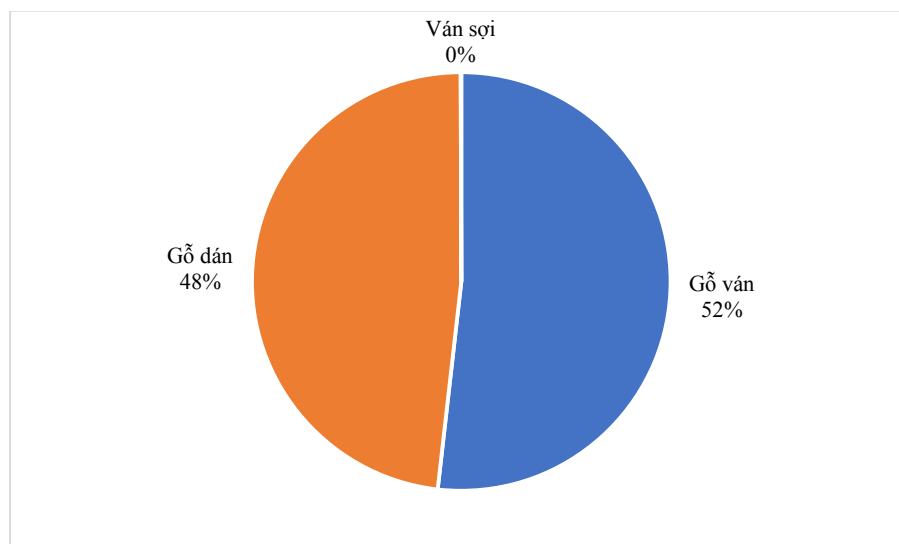


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tháng 01/2021, gỗ ván là chủng loại gỗ và sản phẩm gỗ thuộc nhóm mã HS 44 có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường EU đạt 510,2 nghìn USD, chiếm 51,8% tổng giá trị xuất khẩu. Đứng thứ hai là gỗ dán với kim ngạch 474,0 nghìn USD, chiếm

48,1% tổng giá trị xuất khẩu. Tiếp theo là ván sợi chỉ chiếm 0,05% tổng giá trị xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường EU trong tháng 01/2021.

Hình 21: Chủng loại gỗ và sản phẩm gỗ (mã HS 44) xuất khẩu sang thị trường EU theo kim ngạch tháng 01/2021



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 01/2021, top 3 công ty xuất khẩu sang thị trường EU là Công ty TNHH VinaWood, Công ty TNHH Xuất khẩu Thiên Đức Phát và Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Phương Nam Phát. Ba công ty này chiếm tỷ trọng lần lượt là 51,8%, 40,7% và 6,1% tổng kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ thuộc nhóm mã HS 44 sang thị trường EU trong tháng 01/2021.

NHẬN ĐỊNH VÀ ĐÁNH GIÁ

1. Gạo

Trong tháng 02/2021, Myanmar – một trong những nguồn nhập khẩu gạo của EU đã đình trệ hoạt động xuất khẩu gạo do bất ổn chính trị. Dự kiến bất ổn này sẽ kéo dài trong vài tháng tới, nên đây có thể là cơ hội cho các đối tác xuất khẩu gạo khác chiếm lĩnh thị trường EU. Ngoài ra, trong năm 2021, EU có thể sẽ giảm thuế suất gạo lứt (loại gạo chiếm khoảng 41% tổng nhập khẩu gạo vào EU). Tuy nhiên, đối với Việt Nam, việc thay đổi thuế suất này không có sự ảnh hưởng lớn, do Việt Nam đã ký kết FTA với EU và được cho phép miễn thuế 80.000 tấn gạo (trong đó bao gồm nhiều loại gạo lứt thuộc nhóm HS 1006.20).

2. Rau quả

Người tiêu dùng châu Âu ngày càng quan tâm đến trái cây nhiệt đới, cùng với lợi thế Hiệp định EVFTA mang lại (94% trong tổng số 547 dòng thuế rau quả và các sản phẩm chế biến từ rau quả được xóa bỏ) và đặc biệt là nhu cầu tiêu thụ trái cây của người dân EU sẽ tăng cao trở lại sau khi dịch bệnh Covid-19 được kiểm soát, xuất khẩu trái cây sang EU dự báo sẽ có những bước tiến đột biến. Tuy nhiên, hiện nay dịch Covid-19 diễn biến rất phức tạp, ảnh hưởng không nhỏ tới hoạt động xuất khẩu rau quả của Việt Nam, đặc biệt là khó khăn về việc thay đổi thị hiếu do thay đổi thói quen của người tiêu dùng và việc siết chặt các thủ tục nhập khẩu siết phòng chống sự lây lan của dịch bệnh. Do đó, doanh nghiệp xuất khẩu rau quả cần tăng cường giám sát chất lượng hàng hoá, tránh vi phạm quy định của các nước về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, kiểm nghiệm kiểm dịch, an toàn thực phẩm để quá trình thông quan không bị ảnh hưởng.

3. Cà phê

Tồn kho cà phê tại các kho cảng trên thế giới đã giảm xuống mức thấp nhất trong nhiều năm qua là tín hiệu lạc quan cho thấy, thị trường xuất khẩu cà phê sẽ cải thiện trong năm 2021. Các thị trường nhập khẩu cà phê lớn của Việt Nam đều gặp thiệt hại lớn vì dịch Covid-19 và tiếp tục thực hiện giãn cách xã hội ở mức cao, theo đó, nhu cầu tiêu thụ cà phê tại nhà sẽ tăng mạnh. Đặc biệt, cùng với thông tin thử nghiệm vắc xin đối với dịch Covid-19 sẽ thúc đẩy lượng xuất khẩu tăng cao. Dự báo, xuất khẩu cà phê đang có nhiều tín hiệu vui trong những tháng đầu năm 2021. Đáng chú ý, xuất khẩu cà phê Robusta có khả năng tiếp tục tăng cao khi nhu cầu cà phê hòa tan tại nhà tăng cao trong bối cảnh các nước áp đặt các biện pháp hạn chế tiếp xúc nhằm ngăn chặn dịch Covid-19.

Gần một phần ba lượng cà phê nhập khẩu vào EU là từ Brazil. Sản lượng cà phê của Brazil được dự đoán sẽ giảm giảm, các nhà rang xay và bán lẻ ở Thụy Điển, Đức hoặc Ý sẽ bị ảnh hưởng. Nhưng họ có thể thích ứng bằng cách thay đổi hoặc đa dạng hóa nguồn cung của mình. Do đó xuất khẩu cà phê từ thị trường Việt Nam có thể sẽ tăng nếu đáp ứng được điều kiện nhập khẩu.

Theo dự báo của USDA ra vào tháng 12/2020, tiêu thụ nội địa khu vực EU niên vụ 2020/2021 là 45.800 nghìn bao, tăng 0,7% so với niên vụ 2019/2020. Nhập khẩu EU dự báo khoảng 49.000 nghìn bao, tăng 3,92% so với niên vụ 2019/2020.

4. Thủy sản

Theo các chuyên gia cho rằng, các kênh tiêu thụ chính của sản phẩm thủy sản sẽ dần tăng trưởng trở lại, hỗ trợ đà tăng trưởng. Với mức kỳ vọng mức độ ảnh hưởng của dịch Covid 19 sẽ giảm dần và sự hỗ trợ của các hiệp định thương mại tự do sẽ tạo đà tốt cho nhu cầu tiêu thụ thủy sản trên thế giới. Nhu cầu tiêu thụ sản phẩm thủy sản sẽ phục hồi mạnh mẽ khi các nhà hàng và trường học dần chiếm lại tỷ trọng lớn trong kênh tiêu thụ sản phẩm. Nhu cầu nhập khẩu hàng hóa của các nước sẽ dần hồi phục do nhu cầu tăng và hàng tồn kho thấp. Theo VASEP, dự báo xuất khẩu thủy sản Việt Nam năm 2021 sẽ tăng 10% đạt trên 9,4 tỷ USD, trong đó xuất khẩu tôm vẫn có mức tăng trưởng mạnh nhất: tăng 15%, đạt 4,4 tỷ USD, cá tra sẽ hồi phục với mức tăng 5%, đạt khoảng 1,6 tỷ USD, xuất khẩu các mặt hàng hải sản dự báo sẽ tăng 6%, đạt 3,4 tỷ USD. Thị trường EU vẫn giữ được đà tăng trưởng tốt do các doanh nghiệp đang tận dụng tốt cơ hội từ EVFTA mang lại.

5. Hồ tiêu

Tình hình xuất khẩu hồ tiêu của Việt Nam sang EU trong tháng 1/2021 cũng tương đồng với tình hình xuất khẩu hồ tiêu sang các thị trường khác, đều cho thấy xu hướng giảm mạnh. Khối lượng và kim ngạch sang thị trường này giao động tương đối mạnh kể từ thời điểm tháng 9/2020 sau khi đạt đỉnh vào tháng 3/2020. Hồ tiêu của Việt Nam vào thị trường này vẫn chịu sự cạnh tranh mạnh với các đối thủ xuất khẩu như Brazil, Ấn Độ, Indonesia, Trung quốc, đặc biệt là ở phân khúc sản phẩm tiêu đã chế biến và các sản phẩm tiêu được canh tác hữu cơ đang ngày càng được ưa chuộng hơn ở thị trường này. Việc ký kết hiệp định EVFTA từ tháng 8/2020 đã mở ra rất nhiều điều kiện thuận lợi cho hồ tiêu Việt Nam nói chung và đặc biệt là các sản phẩm tiêu đã qua chế biến trước đây chịu mức thuế suất nhập khẩu từ 5-9% sang các quốc gia thuộc khối EU song trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 vẫn còn tiếp diễn tại thị trường này, nhu cầu tiêu thụ hồ tiêu vốn chỉ là một loại gia vị cho món ăn vẫn bị ảnh hưởng rất lớn và chưa thấy dấu hiệu hồi phục để tăng trưởng trở lại.

6. Cao su

Tổ chức Nghiên cứu Cao su quốc tế (IRSG) dự báo nhu cầu cao su tự nhiên thế giới năm 2021 sẽ hồi phục nhờ tăng trưởng của phân khúc xe thương mại. Ngoài ra, nhu cầu cao su tổng hợp năm 2021 dự báo sẽ tăng 10,2% so với năm 2020 nhờ nhu cầu găng tay và các sản phẩm khác tăng mạnh trong mùa dịch. Thị trường cao su cũng sẽ được hỗ trợ khi giá dầu tăng nhanh và đồng USD yếu.

7. Gỗ và các sản phẩm gỗ

Trong tháng 11/2020, nhập khẩu gỗ nhiệt đới của các quốc gia EU tăng cao, đây là dấu hiệu tích cực giữa những tác động bất lợi của nền kinh tế khu vực EU trong quý cuối của năm 2020. Theo dự báo kinh tế mùa đông của EU, GDP của EU đã tăng 11,5% trong quý III/2020 trước khi giảm nhẹ 0,5% trong quý IV khi làn sóng COVID-19 thứ hai bùng nổ, dẫn tới tình trạng đóng cửa diện rộng và gây ra những tác động nghiêm trọng đến nền kinh tế khu vực. Theo dự báo kinh tế mùa đông của EU, nền kinh tế của các quốc gia EU sẽ suy giảm trong quý I/2021, nhưng được dự báo sẽ hồi phục trong mùa xuân và lấy lại đà tăng trưởng vào mùa hè khi các chương trình tiêm chủng được khởi động và các biện pháp hạn chế được nới lỏng. Nền kinh tế khu vực EU được dự báo sẽ tăng 3,7% trong năm 2021 và 3,9% trong năm 2022. Theo đó, xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang EU có thể sẽ gặp khó khăn trong ngắn hạn, nhưng tình hình sẽ được cải thiện trong quý II và quý III năm 2021.

PHỤ LỤC

Bảng 2: Xuất khẩu Nông Lâm Thủy sản sang thị trường EU tháng 01/2021

STT	Sản phẩm	Tháng 01/ 2021 (USD)	Tăng/giảm so T12/2020	Tăng/giảm so T1/2020	Tỷ trọng
1	Cà phê	86.852.550	18,0%	-11,9%	26,5%
2	Cao su	13.847.559	-5,6%	123,3%	4,2%
3	Chè	21.171	-62,7%	-68,0%	0,0%
4	Gạo	1.465.910	-26,2%	-32,7%	0,4%
5	Gỗ và sản phẩm gỗ	64.471.459	12,2%	23,4%	19,7%
6	Hàng rau quả	12.322.832	-41,7%	-2,2%	3,8%
7	Hàng thủy sản	62.641.373	-24,1%	28,2%	19,1%
8	Hạt điều	49.225.308	-12,7%	25,9%	15,0%
9	Hạt tiêu	5.587.311	-24,5%	61,4%	1,7%
10	Sản phẩm mây. tre. cói và thảm	15.622.490	-12,1%	50,7%	4,8%
11	Sản phẩm từ cao su	15.658.041	1,2%	147,0%	4,8%
Tổng 11 mặt hàng chính		327.716.004	-5,9%	17,0%	100,0%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 3: Giá trị xuất khẩu một số mặt hàng gạo sang EU tháng 01/2021

TT	Loại sản phẩm	Tháng 01/2020		Tháng 01/2021		So sánh 2021/2020 (%)	
		Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Khối lượng	Giá trị
1	Gạo thơm	3.191	1.995.659	1.048	803.645	-67,2%	-59,7%
2	Gạo trắng	109	42.380	457	294.873	317,5%	595,8%
3	Các loại gạo khác	216	141.347	510	367.392	136,8%	159,9%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 4: Giá trị xuất khẩu một số loại rau quả chính sang EU tháng 01/2021

TT	Sản phẩm	Tháng 1/2020	Tháng 1/2021	So sánh
		(USD)	(USD)	T1.2021/T1.2020
	Tổng giá trị XK	12.597.709	12.322.832	-2,2%
1	Chanh	3.838.721	3.556.546	-7,4%
2	Thanh long	1.109.973	1.235.082	11,3%
3	Dừa	655.827	975.757	48,8%
4	Dứa	281.887	547.200	94,1%
5	Xoài	1.119.666	392.385	-65,0%
6	Bưởi	131.131	285.262	117,5%
7	Gừng	154.376	248.978	61,3%
8	Khác	5.306.130	5.081.621	-4,2%

*Nguồn: Tổng cục Hải quan***Bảng 5: Xuất khẩu sản phẩm thủy sản sang thị trường EU tháng 01/2021**

Loại sản phẩm	Tháng 01/2020	Tháng 01/2021	So sánh
	(tr. USD)	(tr. USD)	2021/20 (%)
Cá da trơn	11,30	10,10	-10,6%
Cá ngừ	5,66	7,89	39,3%
Cá rô phi	0,24	0,38	57,6%
Cua, ghẹ	0,54	0,69	27,0%
Mực và bạch tuộc	2,75	3,47	26,3%
Tôm	19,05	22,97	20,6%
Thủy sản khác	15,53	18,46	18,9%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 6: Xuất khẩu sản phẩm cà phê sang thị trường EU tháng 01/2020

Mặt hàng	T1/2020	T1/2021	So sánh T1/2020 và T1/2021
Chưa rang, đã khử caffein	1.711.958	2.052.628	19,90%
Đã rang, đã khử caffein	172.450	4.628	-97,32%
Đã rang, chưa khử caffein	98.779	63.536	-35,68%
Chưa rang, chưa khử cafein	92.828.784	76.778.404	-17,29%
Chiết xuất, tinh chất và cô đặc và chế phẩm	3.820.535	7.953.353	108,17%
Tổng	98.632.507	86.852.550	-11,94%

Nguồn: Tổng cục Hải quan